

Số: /TB-STNMT-CNTT

Sóc Trăng, ngày tháng 12 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc cung cấp mã Quick Response (QR) để tìm hiểu thông tin và thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Công văn số 2165/UBND-TH ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tăng cường giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính.

Nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin và thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường được nhanh chóng, tiện lợi.

Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp mã QR để phục vụ truy cập tìm hiểu thông tin đối với 106 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các tổ chức và cá nhân được biết.





#### **Nơi nhận:**





- Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, TX, TP;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Đăng công TTĐT Sở;
- Lưu VT,CNTT.





**GIÁM ĐỐC**





**PHỤ LỤC**  
**MÃ QR TRUY CẬP TÌM HIỂU THÔNG TIN VÀ THỰC HIỆN**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**





*(Kèm theo Thông báo số ..... /TB-STNMT-CNTT ngày..... tháng 12 năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*



<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Mã QR</b>
	Trang chủ Một cửa điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Trang Đăng ký tài khoản	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>	
1.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	
2.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
3.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
4.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
5.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
6.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.	
7.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
	được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
8.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	
9.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
10.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
11.	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	
12.	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>	
13.	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	
14.	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.</p>	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
15.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
16.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
17.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	
19.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
20.	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	
21.	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	
22.	<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức</p>	
23.	<p>Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử</p>	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
	dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
24.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	
25.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	
26.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
27.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	











STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
28.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
29.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	
30.	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	
31.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
32.	<p>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện</p>	
33.	<p>Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh</p>	
34.	<p>Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	
35.	<p>Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</p>	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
36.	<p>Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	
37.	<p>Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)</p>	
38.	<p>Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận</p>	
39.	<p>Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
40.	<p>Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký</p>	
41.	<p>Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p>	
42.	<p>Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký</p>	
43.	<p>Thẩm định nhu cầu, điều kiện sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, người Việt</p>	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
	Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực môi trường</b>	
44.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	
45.	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	
46.	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	
47.	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
48.	<p>Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt</p>	
49.	<p>Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường</p>	
50.	<p>Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án</p>	
51.	<p>Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
	40/2019/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	
52.	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	
53.	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	
54.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	
55.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>	
56.	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>	
57.	<p>Cấp lại giấy phép tài nguyên nước</p>	
58.	<p>Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước</p>	
59.	<p>Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất</p>	











STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
60.	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
61.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
62.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	
63.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
64.	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	
65.	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm</p>	
66.	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p>	
67.	<p>Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
68.	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	
69.	<p>Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>	
70.	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành</p>	
71.	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực khoáng sản</b>	
72.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	
73.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	
74.	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	
75.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
76.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	
77.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	
78.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	
79.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
80.	<p>Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản</p>	
81.	<p>Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản</p>	
82.	<p>Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản</p>	
83.	<p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</p>	





STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
84.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
85.	Đóng cửa mỏ khoáng sản	
86.	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
87.	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	




STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
88.	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
89.	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	
V	<b><i>Lĩnh vực biển</i></b>	
90.	Giao khu vực biển	
91.	Trả lại khu vực biển	



STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
92.	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	
93.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	
94.	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	
95.	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
96.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	
97.	Trả lại giấy phép nhận chìm ở biển	
98.	Cấp lại giấy phép nhận chìm ở biển	
99.	Công nhận khu vực biển	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
		
<b>VI.</b>	<b>Lĩnh vực đo đạc bản đồ</b>	
100.	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	
101.	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	
102.	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	
<b>VII.</b>	<b>Lĩnh vực khí tượng thủy văn</b>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
103.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
104.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
105.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực TN&amp;MT</b>	
106.	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	